

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 03-02- 2021

“V/v *Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Diễm và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 502/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXX-ST ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Th, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1991, địa chỉ: đường L, Khu phố M, phường Y, Tp. X, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn xin ly hôn, các phiên hòa giải ngày 09/12 và ngày 28/12/2020, nguyên đơn Lê Thị Th trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Văn Th1 kết hôn năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Tp. X, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và ở nhà phía vợ tại Thôn P, xã H, huyện P, có 01 con chung là cháu Nguyễn Thạch T, sinh ngày 08/11/2015. Năm 2018, vợ chồng và con về ở nhà phía chồng tại đường L, Khu phố M, phường Y, Tp. X, tỉnh Phú Yên. Khi cháu T được 03 tuổi, thì anh Th1 đi làm xa tại thành phố H, khoảng 6 tháng và Tết mới về nhà, hàng tháng có gửi tiền khoảng 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng về nuôi con. Từ tháng 6 năm 2020 thì nguyên đơn phát hiện bị đơn Th1 ngoại tình, nguyên đơn vào thành phố H nhưng không gặp được, anh Th1 cũng đổi số điện thoại khác để nguyên đơn không liên lạc được. Trong thời gian này, anh Th1 không gọi điện hay về nhà hỏi thăm vợ con. Nguyên đơn có xin mẹ chồng số điện thoại của anh Th1 nhưng bà không cho, nói khi nào Tòa mời thì

báo. Từ giữa năm 2020, hai mẹ con nguyên đơn dọn ra ở trọ nhưng bị đơn Th1 cũng không gọi về hỏi thăm lý do ra ở trọ hay tình hình cuộc sống đối với mẹ con nguyên đơn.

Nay, bị đơn Th1 không còn quan tâm đến vợ, chăm sóc con, nguyên đơn không còn tình cảm gì với bị đơn nên yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn Th1.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Văn Th1 có 01 con chung tên Nguyễn Thạch T, sinh ngày 08/11/2015, hiện nay nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết cho nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, yêu cầu bị đơn Th1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng. Lý do nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng trên là do bị đơn Th1 làm nghề lái xe nên thu nhập cũng ổn định. Nguyên đơn có mở tiệm làm tóc, spa, thu nhập trung bình khoảng 6-7 triệu đồng một tháng, đảm bảo tài chính để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Nguyễn Văn Th1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, khi đến tổng đạt các văn bản của Tòa án tại địa chỉ đường L, Khu phố M, phường Y, Tp. X, tỉnh Phú Yên thì không gặp bị đơn, đã tổng đạt giấy tờ hợp lệ của Tòa án cho mẹ ruột của bị đơn là bà Nguyễn Thị H và tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn Th1, yêu cầu được nuôi con và bị đơn Th1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thạch T cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Nguyễn Văn Th1 có địa chỉ thường trú tại đường L, Khu phố M, phường Y, Tp. X, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Văn Th1 vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị Th và bị đơn Nguyễn Văn Th1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND phường Y, Tp. X, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2014 ngày 25/12/2014. Hôn nhân của chị Th và anh Th1 đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn ban đầu chung sống hạnh phúc, có con chung Nguyễn Thạch T. Tuy nhiên, khi bị đơn Th1 đi làm xa thì bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bị đơn không về thăm vợ con, không quan tâm, hỏi han, chăm sóc vợ con. Nguyên đơn và con chung đã dọn ra ở trọ từ giữa năm 2020, bị đơn cũng không liên lạc hỏi thăm, bị đơn còn cô tình thay đổi số điện thoại để nguyên đơn và con không liên lạc được. Như vậy, bị đơn Th1 không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chồng đối với vợ, của cha đối với con. Nếu để các bên đương sự tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này thì cũng không mang lại sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau và không đảm bảo được cuộc sống gia đình ấm êm, hạnh phúc.

[5] Bị đơn Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, giao văn bản trực tiếp cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H, tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy các bên đương sự không còn tình thương và trách nhiệm của vợ chồng giành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[7] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Thạch T, sinh ngày 08/11/2015, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét hiện nay cháu T đang ở với mẹ, do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, đã ổn định về điều kiện sống, sinh hoạt, học tập, cháu cũng có tình cảm gắn liền với mẹ hơn cha. Chị Th thu nhập ổn định, đủ khả năng tài chính nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu T và phù hợp với thực tế, Hội đồng xét xử xét giao cháu Nguyễn Thạch T cho nguyên đơn Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[8] Cấp dưỡng nuôi con: Xét cha không nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy bị đơn không đến Tòa trình bày ý kiến về thu nhập thực tế của mình, nhưng nguyên đơn trình bày bị đơn làm công việc lái xe, thu nhập ổn định, hàng tháng bị đơn đều có gửi tiền về cho nguyên đơn bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản, số tiền dao động từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Hiện nay, cháu T đang học mẫu giáo, mức học phí hàng tháng là 1.000.000 đồng. Cháu T còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cả cha và mẹ đủ về vật chất và tinh thần để cháu có thể ổn định tâm lý, phát triển khỏe mạnh. Do đó, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thạch T, nên có cơ sở buộc bị đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa là phù hợp nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 26, điểm a khoản 5, điểm đ, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Th được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn Th1.

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thạch T cho nguyên đơn Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn Nguyễn Văn Th1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử vụ án cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000658 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Bị đơn Nguyễn Văn Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường Y, TP.X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên